TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 613/2022/HC-PT
Ngày: 12-8-2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Nguyễn Văn Khương

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 128/2022/TLHC-PT ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc "khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1465/2022/QĐ-PT ngày 24/7/2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Phạm Văn N, sinh năm 1948; Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Võ Trần D, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1964 (có mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (có mặt);

3.3. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1958 (vắng mặt);

3.4. ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963 (vắng mặt);

3.5. Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1954 (vắng mặt);

3.6. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Phạm Văn S: Ông Võ Trần D (1992); Địa chỉ: ấp Hưng Nghĩa I, xã F, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời khai của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1998 ông Nguyễn Văn I (cha ông Nguyễn Hữu Ng) được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705-000363 cấp ngày 31/3/1998 tại thửa 132, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã C, huyện D. Sau khi ông I chết thì phần đất này được hàng thừa kế thứ nhất của ông I gồm các ông bà: Nguyễn Thị Hồng A, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hữu Ng thống nhất để lại thửa 132 cho ông Ng và vợ là Nguyễn Thị L thừa kế. Ngày 21/10/2005 Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 8, diện tích 2275m^2 tọa lạc tại xã C, huyện D do ông Nguyễn Hữu Ng và Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, trong phần diện tích 2275m^2 có 575,9m^2 đất thuộc quyền sử dụng do ông Phạm Văn N trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1985 cho đến nay. Sau khi tham gia cách mạng trở về vào năm 1965, ông N trở về địa phương sinh sống nhưng không có đất ở; nên vào năm 1985 ông N gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã C và Tập đoàn sản xuất (hiện nay là ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre) để xin cơ quan xem xét cho ông đất để cất nhà.

Năm 1985 Tập đoàn đã cấp cho gia đình ông khoảng 1000m^2 đất (có vị trí hiện nay gần chợ K, bao gồm 575,9m^2 đang tranh chấp). Sau khi nhận đất, gia đình ông cải tạo bồi đắp xây nhà ở cho đến nay, có sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân xã C.

Năm 2017, con ông N là Anh Phạm Văn S xây nhà giáp ranh với ngôi nhà của ông N thì phát hiện 575,9m^2 (có nhà của Anh S trên đó) đã bị nhập vào thửa 132, tờ bản đồ số 8 do ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi tìm hiểu thì ông N được biết phần diện tích này đã được cấp giấy lần đầu cho ông Nguyễn Văn I từ năm 1998.

Ngay sau đó ông liên hệ với ông Ng để trao đổi và xin ông Ng tách sổ để ông N được đứng tên đối với phần diện tích bị cấp nhầm nêu trên nhưng ông Ng không đồng ý. Ngày 26/8/2020 ông N làm đơn gởi đến Ủy ban nhân dân xã C yêu cầu hòa giải với nội dung: Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho ông Nguyễn Hữu Ng ngày 21/10/2005 do sai đối tượng và công nhận 575,9m^2 đất thuộc quyền sử dụng của ông N và cho phép ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích này.

Ngày 11/9/2020 Ủy ban nhân dân xã C tổ chức hòa giải, động viên ông Nguyễn Hữu Ng chuyển lại quyền sử dụng đất phần diện tích trên cho ông N nhưng ông Ng không đồng ý. Ngày 17/11/2020 Ủy ban nhân dân xã C ban hành Tờ trình số 376/TTr-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng do sai đối tượng. Theo ý kiến của Ủy ban nhân dân xã C cho rằng 575,9m^2 (nằm trong 1000m^2 của ông N) trước đây là đất lâm ô rô, cóc kèn được tập đoàn cấp cho ông N để cất nhà ở, còn đất của ông Ng thời điểm tập đoàn cấp đất có vị trí cặp rạch M. Cả hai phần đất cấp cho ông N và ông Ng đều là đất hoang hóa do tập đoàn quản lý, năm 1993-1994 đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Ng kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm luôn phần đất nhà ở của ông N.

Do đó, nay ông Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705 – 000363, số phát hành M 085099 cấp ngày 31/3/1998 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn I.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 ngày 21/10/2005 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L.

Theo văn bản số 838/UBND-NC ngày 18/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện D, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D trình bày:

Phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 132, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã C, huyện D có nguồn gốc của gia đình ông Nguyễn Hữu Ng. Thời điểm Tập đoàn sản xuất thì phần đất này là đất hoang hóa do Tập đoàn quản lý. Năm 1985 ông Phạm Văn N được Tập đoàn cấp phần đất này để cất nhà ở, có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã vào thời điểm này, sau đó ông N cải tạo bồi đắp cất nhà ở và quản lý sử dụng cho đến nay.

Tuy nhiên, thời điểm nhà nước đo đạc đất đai thành lập bản đồ địa chính đạc đo nhập phần đất của ông Nguyễn Văn I (cha ông Nguyễn Hữu Ng) thành thửa đất số 132, tờ bản đồ số 8. Ngày 31/3/1998 hộ ông Nguyễn Văn I được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705-000636 gồm 5 thửa đất, trong đó có thửa 132, tờ bản đồ số 8. Năm 1999 ông Nguyễn Văn I chết. Năm 2005, ông Nguyễn Hữu Ng làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất này từ hộ ông Lâm. Ngày 21/10/2005, ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 thửa đất 132, tờ bản đồ số 8.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 132, tờ bản đồ số 8 lần đầu cho ông Nguyễn Văn I năm 1998 và cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L năm 2005 là chưa đúng theo quy định của pháp luật do có một phần diện tích đất của ông Phạm Văn

N cất nhà ở và quản lý sử dụng từ năm 1985 cho đến nay. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ. Riêng đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705-000363 của hộ ông Nguyễn Văn I đã bị thu hồi khi ông Ng làm thủ tục thừa kế từ hộ ông I năm 2005.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L:* Ông là con của ông Nguyễn Văn I có chủ sở hữu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705-000363 thửa đất 132, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp K, huyện D, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 31/3/1993. Hiện nay, ông bà là người đứng tên hợp pháp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 21/10/2005.

Phần đất thửa 132, tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được chia thành hai phần:

- Phần 1 có diện tích 600m^2 từ lộ mới trở ra rạch M dài khoảng 25m: Khi vào tập đoàn thì do đất nằm sát hãng nước mắm không cấy lúa được nên tập đoàn trả lại cho chủ đất và cha ông mướn nhân công bồi đắp lên trồng dừa. Năm 1985, trong khi cha ông dọn dẹp để trồng dừa thì ông Phạm Văn N đến ngăn cản không cho trồng dừa và nói miệng rằng phần đất này đã được Ủy ban nhân dân xã C cấp cho ông. Tại thời điểm đó ông Phạm Văn N chiếm dụng cho đến nay.

- Phần 2 có diện tích khoảng 1700m^2 từ lộ mới vào khoảng 50m, cũng do nằm sát hãng nước mắm cũng không cấy lúa được nên năm 1990 cha ông mướn nhân công bồi đất lên trồng dừa.

Năm 1993, nhà nước có chủ trương cấp quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất. Ban quản lý tập đoàn yêu cầu các Tập đoàn viên đo đạc lại đất và khai vào sổ đỏ (lúc này lộ chưa cắt ngang qua thửa đất). Ông Nguyễn Văn I khai báo và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông I chết thì ông được hưởng thừa kế đối với phần đất nêu trên. Năm 1990 đến nay ông Phạm Văn N tiếp tục xây nhà, cho thuê hưởng lợi tại phần đất khoảng 600m^2 nêu trên, riêng ông còn phải đóng thuế sử dụng đất hàng năm dù ông có yêu cầu ông N rời khỏi phần đất này.

Năm 2020 Ủy ban nhân dân xã C có mời vợ chồng ông đến và yêu cầu ông tách một phần thửa 132 cho ông N nhưng ông và vợ không đồng ý nên hòa giải không thành.

Vì phần đất này ông Nguyễn Văn I được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng với qui định của pháp luật, nên việc ông nhận thừa kế từ ông I và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là phù hợp với quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông N là không có căn cứ.

- *Bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:* Bà là chị ruột của ông Nguyễn Hữu Ng, theo bà được biết thì phần đất này có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn I là cha của bà. Sau khi ông I chết thì các anh em trong nhà có thống nhất để lại cho ông Ng phần đất này; tuy nhiên việc ký tên được thực hiện ở nhà chứ không có đến xã chứng thực. Ông I cho ông Ng thời gian nào thì bà không nhớ chính xác vì thời

gian đã lâu.

Khi được cho đất thì ông Ng sử dụng cho đến nay, trên đất có một căn chòi của ông Ng, đất trồng dừa. Ông Phạm Văn N có ở trên phần đất này nhưng theo bà thì phần ông N ở không nằm trong phạm vi mà đất mà ông Ng được cho. Ông N trước đây là cán bộ huyện, có hoàn cảnh khó khăn nên xin xã cấp đất để ở, nhưng xã cấp cho bao nhiêu thì bà không biết. Hiện nay ông N đã cho con là Anh Phạm Văn S xây thêm một căn nhà nữa để ở trên đất.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông N thì bà có ý kiến: Ông N chỉ được ở trong phần nhà đã xây dựng từ trước đến nay, còn lại thì phải trả cho ông Ng và Bà L. Ngoài ra đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705 – 000363, số phát hành M 085099 cấp ngày 31/3/1998 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn I đối với thửa 132, tờ bản đồ số 8, diện tích 2275m^2 tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 ngày 21/10/2005 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L đối với thửa 132, tờ bản đồ số 8, diện tích 2275m^2 tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong phần tranh luận:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề mà bà đã trình bày, bị Tòa án cấp sơ thẩm bỏ qua để giải quyết vụ án được công tâm, khách quan. Hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Ông Võ Trần D đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng đối tượng, không đúng theo quy định là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo:

Ông Phạm Văn N đang trực tiếp quản lý sử dụng phần đất có diện tích 575,9m2 tọa lạc tại xã C, huyện D tỉnh Bến Tre. Năm 2017, con ông Phạm Văn N là Anh Phạm Văn S xây nhà giáp ranh với ngôi nhà của ông N thì phát hiện 575,9 m2 (có nhà của Anh S trên đó) đã bị nhập vào thửa 132, tờ bản đồ số 8 do ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi hòa giải không thành, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 cấp cho ông Nguyễn Văn I và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L (là con ông I được kế thừa quyền sử dụng đất từ ông I sau khi ông I mất) và được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre chấp nhận bằng Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017 ngày 17/01/2022. Ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ngày 25/01/2022 đã làm đơn, kháng cáo toàn bộ nội dung của Bản án.

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính:

Căn cứ luật đất đai năm 1993, Điều 123 Luật đất đai năm 2003 thì việc ban

hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705 – 000363, số phát hành M 085099 cấp ngày 31/3/1998 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn I Giấy và chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 ngày 21/10/2005 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành.

Về nội dung Quyết định hành chính bị kiện:

Nguồn gốc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre là của gia đình ông Nguyễn Hữu Ng. Thời điểm Tập đoàn sản xuất thì phần đất này là đất hoang hóa do tập đoàn quản lý. Năm 1985, ông Phạm Văn N được Tập đoàn cấp một phần đất có diện tích khoảng 1000m2, trong đó có 575,9 m2 đất thuộc thửa số 132 để cất nhà ở, có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã cùng thời điểm. Sau khi được cấp đất ông N đã tiến hành cải tại, bồi đắp, cất nhà ở và quản lý sử dụng cho đến nay. Tuy nhiên, tại thời điểm nhà nước đo đạc để thành lập bản đồ địa chính đã nhập phần đất của ông N sử dụng vào phần đất của ông Nguyễn Văn I (cha ông Nguyễn Hữu Ng) có diện tích khoảng 1700 m2 thành thửa đất số 132, tờ bản đồ số 5 có tổng diện tích 2275 m2 như hiện nay. Ngày 31/3/1998, hộ ông Nguyễn Văn I được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705-000636 gồm 5 thửa đất trong đó có thửa số 132. Năm 1999, ông I chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông I gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Hồng A, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Hữu Ng đã đồng ý để lại cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 8 và được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD349388.

Về quá trình sử dụng đất thực tiễn: phần đất có diện tích 575,9 m2 có nguồn gốc của gia đình ông Ng. Đến năm 1985 thì được tập đoàn sản xuất và Ủy ban nhân dân xã thống nhất cấp cho ông N để cất nhà ở. Trước khi được cấp cho ông N thì đây là phần đất hoang hóa, gia đình ông Ng không trực tiếp sử dụng. Ông N sau khi được cấp đất đã cải tạo, bồi đắp và ở lại cho đến nay. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2921 thì hiện tại, trên diện tích 575,9 m2 thuộc một phần thửa đất số 132 có một căn nhà kiên cố của Anh Phạm Văn S (con ông Phạm Văn N); Ngoài ra còn có hai phần nhà phụ phía trước và nhà vệ sinh phía sau nhà chính; Phần diện tích còn lại để trống, được ông N bồi đắp thành bãi để cho người khác thuê để đóng tàu, sau mới để cho con là Anh S xây nhà; trên đất cũng có một số cây cối do ông N trồng; ông Ng và Bà L không trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này. Qua quá trình xác minh làm việc, ông Nguyễn Hữu Ng cũng đã thừa nhận việc ông N đã cải tạo, cho thuê hưởng lợi trên phần đất này từ khi được cấp đất năm 1985.

Xét nguồn gốc và quá trình thực tiễn sử dụng đất cho thấy, ông Phạm Văn N sau khi được Tập đoàn sản xuất và Ủy ban nhân dân xã đồng ý giao đất đã cải tạo, bồi đắp, trực tiếp quản lý và sử dụng cũng như hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc cho thuê quyền sử dụng đất tại một phần thửa đất số 132, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre liên tục từ năm 1985 cho đến nay. Do đó Việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705 – 000363

ngày 31/3/1998 đối với diện tích 2275 m2 tại thửa 132 cho ông Nguyễn Văn I và sau đó là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD349388 ngày 21/10/2005 cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L là không đúng với diện tích thực tế sử dụng của các bên.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn I và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L đối với thửa 132, tờ bản đồ số 8 là có căn cứ. Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Diện tích đất hộ ông N và hộ ông Ngự sử dụng ổn định, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre thực hiện nhiệm vụm công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N và hộ ông Ngự theo quy định.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của người Có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Luật đất đai năm 1993; Điều 123 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550705 – 000363, số phát hành M 085099 cấp ngày 31/3/1998 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn I đối với thửa 132, tờ bản đồ số 8, diện tích 2275m^2 tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 349388 ngày 21/10/2005 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L đối với thửa 132, tờ bản đồ số 8, diện tích 2275m^2 tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu Ng và Bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm

nghìn) đồng án phí, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004824 và 0004825 cùng ngày 25/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
–Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Bến Tre;
– VKSND tỉnh Bến Tre;
– Cục THADS tỉnh Bến Tre ;
– Đương sự (8);
– Lưu: HSVA (2), VP (5), 25b (NVC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An